

KẾ HOẠCH
Trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Văn bản số 660/TTg-NN ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng thực hiện dự án đường cao tốc Tân Phú, Đồng Nai – Bảo Lộc, Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình: Trồng rừng bán ngập thủy điện Thác Mơ thuộc xã Bình Minh, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình: Trồng rừng bán ngập thủy điện Thác Mơ thuộc xã Đức Liễu, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) về việc công bố diện tích, hiện trạng rừng tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành đơn giá ngày công lao động trong các hoạt động lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng quy định về đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 502/UBND-KT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Bình Phước năm 2024.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm diện tích trồng rừng thay thế tương ứng với diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng tại Văn bản số 660/TTg-NN ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ và theo các Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 15/10/2024, Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/02/2025, Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Góp phần bảo vệ, phát triển vốn rừng hiện có; trồng rừng mới, phát huy chức năng phòng hộ và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; hạn chế xói mòn, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh và cả nước.

2. Yêu cầu

- Diện tích đất trồng rừng thay thế phải phù hợp với quy hoạch 03 loại rừng của tỉnh và phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 đã được UBND

tinh phê duyệt.

- Việc trồng rừng phải tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm thực chất, hiệu quả; rừng trồng phải thành rừng, đạt tỷ lệ cây sống theo quy định.

- Sau khi triển khai, các đơn vị, địa phương phải tổ chức kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kết quả; rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình trồng rừng, xã hội hoá cây xanh hiệu quả.

- Các chủ đầu tư trồng rừng thay thế phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và kết quả trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật.

II. THÔNG TIN VỀ DIỆN TÍCH TRỒNG RỪNG THAY THẾ

1. Thông tin chung về diện tích trồng rừng thay thế

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 617 ha; diện tích phải trồng rừng thay thế 620,06 ha. gồm:

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 3,41 ha

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 2,57 ha

- Diện tích trồng rừng thay thế theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 131,69 ha

- Diện tích trồng rừng thay thế theo Văn bản số 660/TTg-NN ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ: 7,56 ha

- Diện tích trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1851/QĐ-UBND và Quyết định 1852/QĐ-UBND ngày 10/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ): 474,83 ha.

Thông tin về diện tích trồng rừng thay thế cụ thể như sau:

2. Thông tin chi tiết về các dự án trồng rừng thay thế

2.1. Diện tích trồng rừng thay thế theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 3,41 ha

Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 3,41 ha (rừng tự nhiên 0 ha, rừng trồng 3,41 ha). Diện tích phải trồng rừng thay thế là 3,41 ha, cụ thể các dự án sau:

- Dự án Trường Mầm Non Tân Thành và Dự án Trường Tiểu học Tân Thành, xã Bàu Cạn: diện tích 2,52 ha.

+ Chủ dự án Ban Quản lý dự án huyện Long Thành

+ Số tiền đã nộp về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường: 862.489.527 đồng;

thời gian nộp tháng 3/2025.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế: Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành (tại Văn bản số 1641/UBND-KTN ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh).

- Dự án hạ tầng Cụm Công nghiệp Long Phước 1, diện tích 0,89 ha.

+ Chủ dự án Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành

+ Số tiền đã nộp về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường: 213.386.796 đồng; Thời gian nộp tháng 12/2024.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế là Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai (tại Văn bản số 15122/UBND – KTN ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh).

2.2. Diện tích trồng rừng thay thế theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 2,57 ha

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 2,57 ha là rừng trồng thuộc rừng trồng phòng hộ.

- Diện tích phải trồng rừng thay thế 2,57 ha thuộc Dự án cầu Phước An, tỉnh Đồng Nai.

- Chủ dự án Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Số tiền đã nộp về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường: 879.602.415 đồng; Thời gian nộp tháng 5/2025.

- Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế là Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành (tại Văn bản số 4628/UBND-KTN ngày 22/4/2025 của UBND tỉnh).

2.3. Diện tích trồng rừng thay thế theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 131,69 ha

Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 130,29 ha (rừng tự nhiên 0,7 ha x 3 lần = 2,10 ha, rừng trồng 129,59 ha). Diện tích phải trồng rừng thay thế 131,69 ha, cụ thể các dự án sau:

- Dự án thủy điện Phú Tân 1, diện tích 8,57 ha

+ Chủ dự án Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đồng Nai

+ Số tiền đã nộp về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường: 2.933.148.909 đồng; Thời gian nộp tháng 7/2025.

+ Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế là Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành (tại Văn bản số 1734/UBND-KTN ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh).

- Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Mỹ - giai đoạn II, diện tích 14,92 ha.

- + Chủ dự án: Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp Sông Mỹ
- + Diện tích phải trồng rừng thay thế: 14,92 ha.
- + Dự kiến số tiền trồng rừng thay thế chủ dự án phải nộp: 3.577.225.839 đồng.
- + Thời gian nộp dự kiến: Trong tháng 9/2025.
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế là Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai (tại Văn bản số 5281/UBND-KTN ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh).

- Dự án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí núi Chứa Chan, xã Xuân Lộc: diện tích 106,8 ha (rừng tự nhiên 0,7 ha, rừng trồng 106,1 ha).

- + Diện tích phải trồng rừng thay thế là 108,2 ha, cụ thể: 0,7 ha rừng tự nhiên x 3 lần = 2,10 ha + 106,10 ha rừng trồng = 108,20 ha.
- + Dự kiến số tiền trồng rừng thay thế chủ dự án phải nộp là 25.942.080.149 đồng.
- + Thời gian nộp dự kiến: Quý III, IV năm 2025
- + Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế: Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc (40,0 ha), Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai (30,0 ha), Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng (38,2 ha).
- + Chủ trương trồng rừng được UBND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 2272/UBND-KTN ngày 01/8/2025.

2.4. Diện tích trồng rừng thay thế theo Văn bản số 660/TTg-NN ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ: 7,56 ha.

- Tên dự án: Dự án đường cao tốc Tân Phú, Đồng Nai – Bảo Lộc, Lâm Đồng,
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng
- Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác là 41,28 ha (rừng tự nhiên 3,18 ha, rừng trồng 38,06 ha).
- Diện tích phải trồng rừng thay thế 47,60 ha. Trong đó:
 - + Diện tích đã trồng năm 2025: 40,04 ha, gồm: (Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai 20,93 ha, Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc 16,35 ha, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh 2,76 ha).
 - + Diện tích còn lại phải trồng: 7,56 ha.
- Dự kiến số tiền trồng rừng thay thế chủ dự án phải nộp: 1.812.588.965

đồng; Thời gian nộp trong năm 2026.

- Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư trồng rừng thay thế là Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai.

5. Diện tích trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1851/QĐ-UBND, Quyết định 1852/QĐ-UBND ngày 10/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ): 474,83 ha. Do vướng mắc trong thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chuyển qua năm 2026.

Như vậy, Tổng diện tích trồng rừng thay thế năm 2026 là 620,06 ha

(đính kèm phụ biểu 01)

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG THAY THẾ

1. Thông tin chung về trồng rừng thay thế

a) Diện tích trồng: 620,06 ha, trong đó: trồng rừng đặc dụng 23,37 ha; trồng rừng phòng hộ 558,49 ha; rừng sản xuất 38,20 ha.

b) Mật độ, loài cây trồng, phương thức trồng

- Mật độ: 833 cây/ha (tùy từng điều kiện, lập địa có thể điều chỉnh mật độ cho phù hợp quy định)

- Loài cây: Sao đen, Dầu rái, Gõ đỏ, Giáng hương, Trắc, Gáo vàng ...

- Phương thức trồng: Trồng hỗn giao theo băng hoặc theo đám; trồng thuần loài đối với nơi có điều kiện lập địa đặc thù hoặc loài cây ưa sáng.

c) Địa điểm trồng rừng: tại Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai, Ban Quản lý rừng phòng hộ: Xuân Lộc, Long Thành, Đắc Mai, Bù Đăng.

d) Thời gian và tiến độ thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030 (năm 2026 thực hiện trồng mới và chăm sóc đến năm 2030)

2. Đơn vị chủ đầu tư thực hiện trồng rừng

2.1 Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai: 23,37 ha, gồm:

- Dự án hạ tầng Cụm Công nghiệp Long Phước 1: Diện tích 0,89 ha
- Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Mỹ - giai đoạn II, diện tích 14,92 ha.

- Dự án đường cao tốc Tân Phú, Đồng Nai – Bảo Lộc, Lâm Đồng: 7,56 ha

2.2. Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành: 13,66 ha.

- Dự án Trường Mầm Non Tân Thành và Dự án Trường Tiểu học Tân Thành, xã Bàu Cạn: diện tích 2,52 ha.

- Dự án xây dựng cầu Phước An, tỉnh Đồng Nai: 2,57 ha

- Dự án thủy điện Phú Tân 1: 8,57

2.3. Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai: 30,0 ha.

Trồng một phần diện tích của Dự án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Núi Chúa Chan, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

2.4. Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc: 40,0 ha

Trồng một phần diện tích của Dự án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Núi Chúa Chan, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

2.5. Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng: 513,03 ha gồm:

Trồng một phần diện tích của Dự án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Núi Chúa Chan, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai: 38,20 ha

Diện tích trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1851/QĐ-UBND, Quyết định 1852/QĐ-UBND ngày 10/7/2022 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ): 474,83 ha.

3. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện

a) Dự kiến kinh phí thực hiện trồng và chăm sóc rừng trồng thay thế là **75.901.831.038 đồng**, *Bằng chữ: Bảy mươi lăm tỷ, chín trăm linh một triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, không trăm ba mươi tám đồng*, các đơn vị cụ thể:

T T	Đơn vị chủ đầu tư trồng rừng	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Thành tiền đồng	Đơn giá áp dụng
1	Khu BTTN - VH Đồng Nai	23,37	239.760.445	5.603.201.600	Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND tỉnh
2	Ban QLRPH Long Thành	13,66	342.257.749	4.675.240.851	
3	Ban QLRPH Xuân Lộc	40	239.760.445	9.590.417.800	
4	Ban QLRPH Đắc Mai	30	239.760.445	7.192.813.350	
5	Ban QLRPH Bù Đăng	38,2	239.760.445	9.158.848.999	
6	Ban QLRPH Bù Đăng	474,83		39.681.308.438	Trồng rừng bán ngập hồ Thủy điện Thác Mơ
	Tổng cộng	620,06		75.901.831.038	

b) Nguồn vốn thực hiện: tiền trồng rừng thay thế do các chủ dự án nộp về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Rà soát, xác định quỹ đất: Thường xuyên cập nhật, rà soát quỹ đất có khả năng trồng rừng thay thế đối tượng phải đảm bảo theo quy định.

2. Giải pháp kỹ thuật: Lựa chọn loài cây phù hợp với điều kiện sinh thái, bảo đảm tỷ lệ cây sống $\geq 85\%$; áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong thiết kế, trồng, chăm sóc và giám sát rừng trồng.

3. Giải pháp vốn: Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế

đúng quy định.

4. Giải pháp quản lý, giám sát: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng thay thế; công khai, minh bạch thông tin về diện tích, tiến độ, kết quả thực hiện.

5. Giải pháp phối hợp: Phát huy vai trò của các sở, ngành, chính quyền địa phương, đơn vị chủ rừng và cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện, quản lý, bảo vệ rừng thay thế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng (chủ dự án) lập các bước thủ tục nộp tiền về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán trồng và chăm sóc rừng thay thế của các chủ đầu tư theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm trước ngày 15 tháng 12 hằng năm về kết quả thực hiện trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh theo Mẫu số 09 Phụ lục XII Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Kiểm tra, hướng dẫn, đảm bảo chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy đối với diện tích rừng trồng thay thế trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế của các đơn vị, tổ chức được giao trồng rừng thay thế.

- Hướng dẫn việc thanh quyết toán tiền trồng rừng thay thế đối với các đơn vị trực thuộc gồm: Ban Quản lý rừng phòng hộ: Xuân Lộc, Long Thành, Đắc Mai, Bù Đăng.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn các chủ đầu tư trồng rừng và các đơn vị có liên quan trong việc thanh quyết toán; lập, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các nội dung có liên quan đến tài chính trong quá trình thực hiện công trình trồng rừng.

3. Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

- Tiếp nhận, giải ngân nguồn kinh phí trồng rừng thay thế do các chủ dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế của đơn vị,

tổ chức được giao trồng rừng thay thế.

- Hàng năm báo cáo cơ quan chủ quản trước ngày 15 tháng 12 hằng năm về kết quả tiếp nhận và giải ngân nguồn kinh phí trồng rừng thay thế do các chủ dự án nộp hoặc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam chuyển về theo Mẫu số 10 Phụ lục XII Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Chủ dự án

Lập các bước thủ tục có liên quan và thực hiện nộp tiền trồng rừng thay thế theo đúng quy định.

5. Các đơn vị được giao là chủ đầu tư trồng rừng thay thế

- Xây dựng thiết kế, dự toán trồng và chăm sóc rừng trồng rừng thay thế trình cấp có thẩm quyền thẩm định theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Thực hiện trồng rừng thay thế đến khi được nghiệm thu hoàn thành, tổ chức quản lý rừng trồng thay thế theo quy định.

- Trong giai đoạn đầu tư, trước ngày 30 tháng 11 hàng năm báo cáo kết quả trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng trồng thay thế về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

Trên đây là kế hoạch trồng rừng thay thế năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại mục V;
- Các đơn vị chủ rừng: Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai, Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc, Long Thành, Đắc Mai, Bù Đăng;
- Lưu VT, KTN, KTNS.

Vinhktn_KH trong rung 2026.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng

Phụ lục 01: THÔNG TIN CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG THAY THẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH - NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 114 /KH-UBND ngày 01 tháng 05 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên công trình, dự án	Tên chủ dự án	Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng (ha)	Trong đó		Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Thời gian nộp tiền
				Rừng tự nhiên	Rừng trồng		
I	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh		3,41	0,00	3,41	3,41	
1	Dự án Trường Mầm Non Tân Thành, xã Bầu Cạn	Ban Quản lý dự án huyện Long Thành	1,07		1,07	1,07	Đã nộp tháng 3/2025
2	Dự án Trường Tiểu học Tân Thành, xã Bầu Cạn	Ban Quản lý dự án huyện Long Thành	1,45		1,45	1,45	Đã nộp tháng 3/2025
3	Dự án hạ tầng Cụm Công nghiệp Long Phước 1	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	0,89		0,89	0,89	Đã nộp tháng 12/2024
II	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/02/2025 của HĐND tỉnh		2,57	0,00	2,57	2,57	
4	Dự án cầu Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu	2,57		2,57	2,57	Đã nộp tháng 5/2025
III	Văn bản số 660/TTg-NN ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ		7,56	0,00	7,56	7,56	
5	Dự án xây dựng đường bộ Cao tốc Tân Phú (Đồng Nai) - Bảo Lộc (Lâm Đồng)	Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng	7,56		7,56	7,56	Diện tích phải trồng rừng thay thế 47,6 ha, trong đó: diện tích 40,04 ha đã trồng rừng thay thế năm 2025 tại Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai 20,93 ha, Ban QLPH Xuân Lộc 16,35 ha, Trung tâm DVNN tỉnh 2,76 ha, còn lại 7,56 ha, dự kiến nộp tiền trong năm 2025

IV	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của HĐND tỉnh		130,29	0,70	129,59	131,69	
6	Dự án thủy điện Phú Tân 1	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	8,57		8,57	8,57	Đã nộp tháng 7/2025
7	Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Mỹ - giai đoạn II	Công ty cổ phần phát triển Khu công nghiệp Sông Mỹ	14,92		14,92	14,92	Dự kiến nộp tiền trong năm 2025
8	Dự án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Núi Chúa Chanh, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	Nhà đầu tư trùng đầu giá quyền sử dụng đất	106,80	0,70	106,10	108,20	Dự kiến nộp tiền trong năm 2025
V	Trồng rừng thay thế theo Quyết định số 1851/QĐ-UBND và Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh Bình Phước(cũ)		474,83	0,00	474,83	474,83	
9	Khu Công nghiệp Minh Hưng - Sikico, Trồng rừng bán ngập thủy điện Thác Mơ thuộc xã Bình Minh, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico	266,79		266,79	266,79	Đã nộp năm 2022
10	Khu Công nghiệp Minh Hưng - Sikico, Trồng rừng bán ngập thủy điện Thác Mơ thuộc xã Đức Liễu, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico	208,04		208,04	208,04	Đã nộp năm 2022 một phần còn thiếu khoảng 4 tỷ dự kiến nộp trong năm 2025
	Tổng cộng		618,66	0,70	617,96	620,06	


Phụ lục 02: KẾ HOẠCH TRỒNG RỪNG THAY THẾ NĂM 2026
 (Kèm theo Kế hoạch số 114 /KH-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Chủ đầu tư, địa điểm trồng rừng	Tổng công (ha)	Diện tích TRTT (ha)			Kinh phí dự kiến (đồng)	Tên dự án
			Trồng rừng đặc dụng	Trồng rừng phòng hộ	Trồng rừng sản xuất		
1	Ban QLRPB Long Thành	1,07		1,07		366.215.791	Dự án Trồng Mầm Non Tân Thành, xã Bầu Cạn, huyện Long Thành
2	Ban QLRPB Long Thành	1,45		1,45		496.273.736	Dự án Trồng Tiều học Tân Thành, xã Bầu Cạn, huyện Long Thành
3	Ban QLRPB Long Thành	8,57		8,57		2.933.148.909	Dự án thủy điện Phú Tân 1
4	Ban QLRPB Long Thành	2,57		2,57		879.602.415	Dự án cầu Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
5	Khu BTNN-VH Đồng Nai	0,89	0,89			213.386.796	Dự án hạ tầng Cụm Công nghiệp Long Phước 1
6	Khu BTNN-VH Đồng Nai	14,92	14,92			3.577.225.839	Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Sông Mây - giai đoạn II
7	Khu BTNN-VH Đồng Nai	7,56	7,56			1.812.588.965	Dự án xây dựng đường bộ Cao tốc Tân Phú (Đồng Nai) - Bảo Lộc (Lâm Đồng) đã trồng 40,04 ha tại Ban QLRPB Xuân Lộc 16,35 ha, Khu Bảo tồn TNVH Đồng Nai 20,93 ha, Trung tâm DVNN tỉnh 2,76 ha
8	Ban QLRPB Xuân Lộc	40,00		40,00		9.590.417.800	Dự án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
9	Ban QLRPB Đăk Mai	30,00		30,00		7.192.813.350	Dự án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
10	Ban QLRPB Bù Đăng	38,20			38,20	9.158.848.999	Dự án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
11	Ban QLRPB Bù Đăng	266,79		266,79		22.274.433.153	Khu Công nghiệp Minh Hưng - Sikiko, Trồng rừng bán ngập thủy điện Thác Mơ thuộc xã Bình Minh, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
12	Ban QLRPB Bù Đăng	208,04		208,04		17.406.875.285	Khu Công nghiệp Minh Hưng - Sikiko, Trồng rừng bán ngập thủy điện Thác Mơ thuộc xã Đức Liễu, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
Tổng cộng		620,06	23,37	558,49	38,20	75.901.831.038	